

Bản án số: **12/2022/KDTM-ST**

Ngày 12/05/2022

V/v: Tranh chấp Hợp đồng  
mua bán hàng hóa.

**NHÂN DANH**

**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN CẦU GIẤY THÀNH PHỐ HÀ NỘI**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Bà Tạ Thị Thu Hương.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Văn Đông.

Bà Đỗ Hào Hoàn.

- *Thư ký phiên tòa:* Ông Đinh Nho Bình – Thư ký Tòa án nhân dân quận Cầu Giấy - thành phố Hà Nội.

- *Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân quận Cầu Giấy - thành phố Hà Nội tham gia phiên tòa:* Bà Nguyễn Thị Thảo – Kiểm sát viên.

Ngày 12 tháng 05 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân quận Cầu Giấy, thành phố Hà Nội xét xử sơ thẩm công khai vụ án kinh doanh thương mại thụ lý số 120/2020/TLST-KDTM ngày 01 tháng 12 năm 2020 về tranh chấp Hợp đồng mua bán hàng hóa theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 45/2022/QĐXXST-KDTM ngày 20 tháng 04 năm 2022, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Công ty TNHH N

Địa chỉ: số A, đường B, khu công nghiệp B, phường L, thành phố B, tỉnh Đồng Nai.

Đại diện theo pháp luật: Ông EE SOON H – Tổng giám đốc.

Đại diện theo ủy quyền: Bà Đỗ Thị Ngọc Đ - nhân viên (theo Giấy ủy quyền ngày 04/01/2022 (có mặt).

- *Bị đơn:* Công ty cổ phần xây dựng và phát triển N.

Địa chỉ: số A đường N, phường T, quận C, Hà Nội.

Đại diện theo pháp luật: Ông Nguyễn Tuấn T - Chức vụ: Giám đốc (có mặt).

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

\* Đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn - Công ty TNHH N trình bày như sau:

Công ty TNHH N là nhà sản xuất sơn N, có bán sản phẩm cho Công ty cổ phần xây dựng và phát triển N theo Hợp đồng mua bán số NPV-HNC/IU002-19 ngày 02/01/2019 với thời hạn thanh toán 60 ngày kể từ ngày xuất hóa đơn. Công ty cổ phần xây dựng và phát triển N đã vi phạm nghĩa vụ về thời hạn thanh toán.

Căn cứ theo bảng xác nhận số dư nợ tháng 12 năm 2019, Công ty cổ phần xây dựng và phát triển N còn nợ Công ty TNHH N số tiền là 407.891.432 đồng. Số dư công nợ này là toàn bộ hàng hóa được Công ty TNHH N bán cho Công ty cổ phần xây dựng và phát triển N vào năm 2019.

Ngày 11/03/2020, Công ty TNHH N đã gửi thư nhắc nợ lần cuối nhưng Công ty cổ phần xây dựng và phát triển N vẫn không hợp tác thanh toán số tiền nợ.

Tại thời điểm nộp đơn khởi kiện ngày 31 tháng 3 năm 2020, Công ty TNHH N khởi kiện Công ty cổ phần xây dựng và phát triển N, đề nghị Tòa án:

Buộc Công ty cổ phần xây dựng và phát triển N phải trả cho Công ty TNHH N số tiền nợ gốc mua hàng là 407.891.432 đồng.

Buộc Công ty cổ phần xây dựng và phát triển N phải trả thêm khoản tiền lãi phát sinh do nợ quá hạn (theo mức lãi suất vay nợ ngân hàng quá hạn bình quân 9%/năm tính trên khoản nợ quá hạn), tạm tính đến tháng 02 năm 2020 là 27.075.632 đồng.

Tổng số tiền Công ty cổ phần xây dựng và phát triển N phải trả cho Công ty TNHH N là 434.967.064 đồng.

Ngày 31/03/2020, Công ty cổ phần xây dựng và phát triển N đã thanh toán cho Công ty TNHH N số tiền là 50.000.000 đồng. Số nợ gốc thực tế mà Công ty cổ phần xây dựng và phát triển N còn nợ Công ty TNHH N là 357.891.432 đồng. Phương thức thanh toán: thanh toán dứt điểm 1 lần thời hạn trong vòng 7 ngày sau khi bản án, quyết định của Tòa án có hiệu lực pháp luật.

Nếu Công ty cổ phần xây dựng và phát triển N thanh toán ngay toàn bộ số tiền nợ gốc cho Công ty TNHH N, Công ty TNHH N sẽ miễn toàn bộ số tiền lãi cho Công ty cổ phần xây dựng và phát triển N.

Đối với yêu cầu của Công ty cổ phần xây dựng và phát triển N đề nghị phía nguyên đơn xem xét đối chiếu lại 43 đơn hàng từ 12/7/2016 đến 03/03/2017, phía nguyên đơn đã cung cấp bảng kê chi tiết và xác nhận công nợ của 43 hóa đơn năm 2017 thể hiện Công ty cổ phần xây dựng và phát triển N có xác nhận công nợ và đã thanh toán, không nằm trong các hóa đơn nguyên đơn khởi kiện bị đơn.

Đối với yêu cầu của bị đơn đề nghị Công ty TNHH N cung cấp các đơn đặt hàng, biên bản giao hàng kèm theo 43 hóa đơn, Công ty TNHH N không cung cấp vì không trong yêu cầu khởi kiện.

\* Bị đơn - Công ty cổ phần xây dựng và phát triển N do ông Nguyễn Tuấn T đại diện theo pháp luật trình bày:

Công ty cổ phần xây dựng và phát triển N xác nhận Công ty cổ phần xây dựng và phát triển N và Công ty TNHH N có ký kết Hợp đồng mua bán số NPV-

HNC/IU002-19 ngày 02/01/2019 với thời hạn thanh toán 60 ngày kể từ ngày xuất hóa đơn. Theo Hợp đồng, Công ty cổ phần xây dựng và phát triển N mua sản phẩm sơn của Công ty TNHH N.

Công ty cổ phần xây dựng và phát triển N xác nhận tính đến nay còn nợ Công ty TNHH N số tiền nợ gốc là 357.891.432 đồng là hàng hóa vào năm 2019.

Công ty cổ phần xây dựng và phát triển N có nguyện vọng được trả toàn bộ số tiền nợ gốc cho Công ty TNHH N trong thời hạn 2 năm.

Công ty cổ phần xây dựng và phát triển N kinh doanh gặp nhiều khó khăn do ảnh hưởng của dịch Covid, nên Công ty cổ phần xây dựng và phát triển N đề nghị Công ty TNHH N miễn toàn bộ số tiền lãi cho Công ty cổ phần xây dựng và phát triển N. Nếu không được chấp nhận, Công ty cổ phần xây dựng và phát triển N đề nghị Công ty TNHH N tính lại số tiền lãi, vì thực tế Công ty cổ phần xây dựng và phát triển N đã thanh toán cho Công ty TNHH N số tiền gốc 50.000.000 đồng vào ngày 31/03/2020.

Công ty cổ phần xây dựng và phát triển N sau khi kiểm tra chứng từ do kế toán cung cấp, có đề nghị phía nguyên đơn xem xét, đối chiếu lại các đơn hàng, biên bản giao nhận hàng hóa, đối chiếu công nợ của Công ty cổ phần xây dựng và phát triển N đối với 43 hóa đơn từ 12/7/2016 đến 03/03/2017. Quy trình đặt hàng và giao nhận hàng giữa Công ty cổ phần xây dựng và phát triển N và Công ty TNHH N như sau:

- Công ty cổ phần xây dựng và phát triển N gửi đơn đặt hàng theo mẫu của Công ty TNHH N phát hành với nội dung ngày đặt hàng, tên, số lượng hàng hóa, có chữ ký của người đặt hàng (anh Mai Văn T), địa điểm nhận hàng, người nhận hàng, số điện thoại liên lạc. Đơn đặt hàng được gửi qua mail hoặc Fax. Đơn đặt hàng phải có đủ các thông tin trên thì mới hợp lệ.

- Quy trình nhận hàng: sau khi Công ty cổ phần xây dựng và phát triển N có đơn đặt hàng, Công ty cổ phần xây dựng và phát triển N sẽ điện thoại cho Công ty TNHH N để xác nhận đã nhận được đơn hàng chưa. Nếu Công ty TNHH N đã nhận được đơn đặt hàng thì sẽ xuất hàng theo đơn đặt hàng. Khi giao hàng, Công ty TNHH N sẽ có biên bản giao hàng, Công ty cổ phần xây dựng và phát triển N và Công ty TNHH N mỗi bên giữ một bản.

Đối với 43 hóa đơn mà Công ty cổ phần xây dựng và phát triển N yêu cầu được đối trừ, Công ty cổ phần xây dựng và phát triển N yêu cầu Công ty TNHH N cung cấp các đơn đặt hàng, biên bản giao hàng kèm theo. Tổng số tiền theo 43 hóa đơn Công ty cổ phần xây dựng và phát triển N đã cung cấp là 98.542.010 đồng, Công ty cổ phần xây dựng và phát triển N có yêu cầu phản tố và đề nghị được trừ vào số tiền Công ty cổ phần xây dựng và phát triển N phải trả cho nguyên đơn theo đơn khởi kiện. Công ty cổ phần xây dựng và phát triển N yêu cầu nguyên đơn cung cấp cho Tòa án và Công ty cổ phần xây dựng và phát triển N đơn đặt hàng, biên bản giao nhận hàng hóa của 43 hóa đơn vì phía Công ty cổ phần xây dựng và phát triển N có ký xác nhận công nợ của 43 hóa đơn nhưng do lúc đó chưa kiểm tra lại chính xác, khả năng có người giả mạo bị đơn đặt hàng và nhận hàng.

\* Tại phiên tòa:

- Nguyên đơn: Giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, buộc Công ty cổ phần xây dựng và phát triển N phải thanh toán cho Công ty TNHH N theo Hợp đồng mua bán số NPV-HNC/IU002-19 ngày 02/01/2019 số tiền nợ gốc là 357.891.432 đồng, số tiền lãi chậm thanh toán tính đến ngày 30/4/2022 là 62.924.108 đồng. Tổng cộng là: 420.815.540 đồng.

Nguyên đơn rút một phần yêu cầu khởi kiện về việc buộc bị đơn phải thanh toán số tiền nợ gốc 50.000.000 đồng theo Hợp đồng mua bán số NPV-HNC/IU002-19 ngày 02/01/2019.

Nguyên đơn không yêu cầu Công ty cổ phần xây dựng và phát triển N phải thanh toán nợ lãi chậm thanh toán từ ngày 1/5/2022 đến ngày xét xử sơ thẩm.

Đối với lãi suất chậm thanh toán của số tiền còn phải thanh toán từ khi bản án có hiệu lực nguyên đơn yêu cầu bị đơn phải thanh toán cho nguyên đơn với mức lãi suất là 6%/ năm.

Nguyên đơn không đồng ý với đề nghị của Công ty cổ phần xây dựng và phát triển N về yêu cầu phản tố được đối trừ số tiền 98.543.011 đồng Công ty cổ phần xây dựng và phát triển N đã thanh toán trả cho Công ty TNHH N đối với 43 hóa đơn mua hàng từ tháng 7 năm 2016 đến tháng 3 năm 2017. Ngoài các ý kiến, yêu cầu trên Công ty TNHH N không còn ý kiến, yêu cầu nào khác.

- Bị đơn: Công ty cổ phần xây dựng và phát triển N xác nhận Công ty cổ phần xây dựng và phát triển N và Công ty TNHH N có ký kết Hợp đồng mua bán số NPV-HNC/IU002-19 ngày 02/01/2019, tính đến nay Công ty cổ phần xây dựng và phát triển N còn nợ Công ty TNHH N số tiền nợ gốc là 357.891.432 đồng. Không chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn về việc bị đơn phải thanh toán số tiền lãi chậm thanh toán.

Công ty cổ phần xây dựng và phát triển N giữ nguyên yêu cầu phản tố được đối trừ số tiền 98.543.011 đồng (đối với 43 hóa đơn đã thanh toán từ 12/7/2016 đến 03/03/2017) vào số tiền còn phải thanh toán cho Công ty TNHH N.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Cầu Giấy, thành phố Hà Nội tham gia phiên tòa có quan điểm:

- Về tố tụng: Quá trình tố tụng giải quyết vụ án từ khi thụ lý cho đến phiên tòa xét xử hôm nay, Thẩm phán và Hội đồng xét xử, Thư ký tòa án đã tiến hành tố tụng theo đúng các trình tự, thủ tục mà Bộ luật tố tụng dân sự quy định. Nguyên đơn, bị đơn về cơ bản đã chấp hành các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

- Về nội dung vụ án:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Công ty TNHH N.

Buộc Công ty cổ phần xây dựng và phát triển N phải thanh toán trả cho Công ty TNHH N công nợ theo hợp đồng mua bán số NPV-HNC/IU002-19 ngày 02/01/2019.

Bác yêu cầu phản tố của Công ty cổ phần xây dựng và phát triển N về việc được đối trừ số tiền 98.541.011 đồng đã thanh toán vào số tiền còn thanh toán trả cho Công ty TNHH N.

2. Về án phí: Công ty cổ phần xây dựng và phát triển N phải chịu án phí kinh doanh thương mại, hoàn trả Công ty TNHH N dự phí đã nộp.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

#### **[1] Về thẩm quyền giải quyết vụ án:**

Công ty TNHH N khởi kiện yêu cầu Tòa án buộc Công ty cổ phần xây dựng và phát triển N phải thanh toán cho Công ty TNHH N số tiền nợ gốc và lãi phát sinh do chậm thanh toán theo Hợp đồng mua bán số NPV-HNC/IU002-19 ngày 02/01/2019. Đây là vụ án tranh chấp hợp đồng mua bán hàng hóa được quy định tại Khoản 1 Điều 30 Bộ luật tố tụng dân sự nên thuộc thẩm quyền của Tòa án nhân dân.

Công ty cổ phần xây dựng và phát triển N có trụ sở chính tại số A đường N, phường T, quận C, Hà Nội. Căn cứ theo Khoản 1 Điều 35 và điểm a Khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án nhân dân quận Cầu Giấy thụ lý giải quyết theo thủ tục sơ thẩm là đúng thủ tục tố tụng.

#### **[2] Về thủ tục tố tụng:**

- Về thời hiệu khởi kiện: Ngày 31/12/2019, Công ty TNHH N và Công ty cổ phần xây dựng và phát triển N ký biên bản xác nhận công nợ. Do Công ty cổ phần xây dựng và phát triển N không thực hiện nghĩa vụ thanh toán, ngày 31/3/2020, Công ty TNHH N nộp đơn khởi kiện yêu cầu Tòa án nhân dân quận Cầu Giấy giải quyết tranh chấp. Căn cứ Điều 319 Luật thương mại 2005, vụ án trong thời hiệu khởi kiện.

#### **[3] Về nội dung yêu cầu khởi kiện:**

Ngày 02/01/2019 Công ty TNHH N và Công ty cổ phần xây dựng và phát triển N ký Hợp đồng mua bán số NPV-HNC/IU002-19, theo đó Công ty cổ phần xây dựng và phát triển N đồng ý mua hàng hóa là sơn do Công ty TNHH N sản xuất với thời hạn thanh toán 60 ngày kể từ ngày xuất hóa đơn. Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, Hội đồng xét xử nhận thấy: Tại thời điểm ký kết Hợp đồng mua bán số NPV-HNC/IU002-19 các bên hoàn toàn tự nguyện; Công ty TNHH N và Công ty cổ phần xây dựng và phát triển N là 02 doanh nghiệp được thành lập và hoạt động theo quy định của pháp luật doanh nghiệp, có tư cách pháp nhân và người đại diện theo pháp luật có đầy đủ năng lực để tham gia giao dịch, mục đích, nội dung và hình thức của giao dịch trên theo đúng quy định của pháp luật. Căn cứ vào Điều 117; Điều 119; Điều 403 Bộ luật dân sự 2015; Điều 24 Luật thương mại 2005 xác định Hợp đồng mua bán số NPV-HNC/IU002-19 ngày

02/01/2019 ký kết giữa Công ty TNHH N và Công ty cổ phần xây dựng và phát triển N là hoàn toàn tự nguyện, hợp pháp, các bên có nghĩa vụ thực hiện.

- Quá trình thực hiện hợp đồng: Theo thỏa thuận tại Hợp đồng mua bán số NPV-HNC/IU002-19 ngày 02/01/2019 ký kết giữa Công ty TNHH N và Công ty cổ phần xây dựng và phát triển N, Công ty cổ phần xây dựng và phát triển N phải thanh toán trả tiền hàng cho Công ty TNHH N trong vòng 60 ngày kể từ ngày xuất hóa đơn. Tại bảng xác nhận công nợ tháng 12 năm 2019, Công ty cổ phần xây dựng và phát triển N và Công ty TNHH N đã chốt đến ngày 31/12/2019, Công ty cổ phần xây dựng và phát triển N còn phải thanh toán trả cho Công ty TNHH N số tiền 407.891.432 đồng. Sau khi tiến hành chốt công nợ, đến ngày 31/03/2020, Công ty cổ phần xây dựng và phát triển N đã thanh toán cho Công ty TNHH N số tiền là 50.000.000 đồng. Tại các buổi làm việc cũng như tại phiên tòa Công ty cổ phần xây dựng và phát triển N xác nhận còn nợ Công ty TNHH N số tiền nợ gốc là 357.891.432 đồng là số đã mua vào năm 2019. Như vậy, đủ cơ sở kết luận Công ty TNHH N đã thực hiện đúng theo điều khoản của hợp đồng và Công ty cổ phần xây dựng và phát triển N đã vi phạm nghĩa vụ thanh toán. Do đó, căn cứ khoản 1 Điều 351 Bộ Luật dân sự 2015 và Hợp đồng mua bán số NPV-HNC/IU002-19 ngày 02/01/2019 có đủ cơ sở chấp nhận yêu cầu của Công ty TNHH N về việc buộc Công ty cổ phần xây dựng và phát triển N phải thanh toán số tiền nợ gốc chưa thanh toán theo Hợp đồng mua bán số NPV-HNC/IU002-19 ngày 02/01/2019 là 357.891.432 đồng.

- Về lãi suất chậm thanh toán: Trong Hợp đồng mua bán số NPV-HNC/IU002-19 ngày 02/01/2019 giữa Công ty TNHH N và Công ty cổ phần xây dựng và phát triển N không có điều khoản thỏa thuận về lãi suất chậm thanh toán.

Tại phiên tòa, Công ty TNHH N yêu cầu Công ty cổ phần xây dựng và phát triển N thanh toán số tiền lãi chậm thanh toán tính đến ngày 30/4/2022 là 62.924.108 đồng, số tiền chậm thanh toán trên được tính theo mức lãi suất 0,5%/ 1 tháng, theo điều IV tại cam kết trong bảng đề nghị thanh công nợ (BL số 8). Mức lãi suất chậm thanh toán, Công ty TNHH N yêu cầu Công ty cổ phần xây dựng và phát triển N phải trả thấp hơn lãi suất nợ quá hạn trung bình của 03 Ngân hàng theo quy định tại điều 306 Luật thương mại, xét đây là sự tự nguyện của Công ty TNHH N không trái pháp luật nên được chấp nhận. Do đó, có cơ sở chấp nhận yêu cầu của Công ty TNHH N buộc Công ty cổ phần xây dựng và phát triển N phải thanh toán số tiền lãi của số tiền nợ gốc là 62.924.108 đồng. Vậy tổng số tiền Công ty cổ phần xây dựng và phát triển N phải thanh toán trả cho Công ty TNHH N theo Hợp đồng mua bán số NPV-HNC/IU002-19 ngày 02/01/2019 là 420.815.540 đồng.

Ghi nhận sự tự nguyện của Công ty TNHH N không buộc Công ty cổ phần xây dựng và phát triển N phải thanh toán nợ lãi chậm thanh toán từ ngày 1/5/2022 đến ngày xét xử sơ thẩm và yêu cầu tính lãi suất chậm thanh toán của số tiền còn phải thanh toán từ khi bản án có hiệu lực pháp luật bị đơn phải thanh toán cho nguyên đơn với mức lãi suất là 6%/ năm.

Xét yêu cầu phản tố của Công ty cổ phần xây dựng và phát triển N đề nghị Công ty TNHH N đối trừ số tiền 98.542.010 đồng là trị giá của 43 hóa đơn mua

hàng trong năm 2016 và 2017 vào số tiền còn phải thanh toán theo yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, Hội đồng xét xử xét thấy: Công ty cổ phần xây dựng và phát triển N đã ký xác nhận công nợ và đã thanh toán trả cho Công ty TNHH N số tiền 98.542.010 đồng của 43 hóa đơn nhưng sau đó lại có ý kiến là không đặt hàng và không nhận được hàng của 43 hóa đơn này, thời điểm thanh toán chưa kiểm tra chính xác, khả năng có người giả mạo Công ty cổ phần xây dựng và phát triển N đặt hàng, nhận hàng và yêu cầu nguyên đơn cung cấp đơn đặt hàng, biên bản giao nhận hàng hóa của 43 hóa đơn và yêu cầu được đối trừ là không có căn cứ và không được chấp nhận vì 43 hóa đơn trên nằm trong bảng kê chi tiết số dư nợ còn phải trả ngày 31/12/2016 và 31/3/2017 đã được người đại diện theo pháp luật của Công ty cổ phần xây dựng và phát triển N là ông Nguyễn Tuấn T ký xác nhận còn phải thanh toán cho Công ty TNHH N.

#### **[4] Về án phí sơ thẩm:**

Yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn được chấp nhận, bị đơn - Công ty cổ phần xây dựng và phát triển N chịu án phí sơ thẩm số tiền là 20.832.600 đồng theo yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Yêu cầu phản tố của bị đơn không được chấp nhận, bị đơn - Công ty cổ phần xây dựng và phát triển N phải chịu 4.927.000 đồng án phí sơ thẩm.

Công ty TNHH N được hoàn lại tiền tạm ứng án phí đã nộp.

Vì các lẽ trên,

### **QUYẾT ĐỊNH:**

#### **Căn cứ:**

- Điều 117; Điều 119; Khoản 1 Điều 351; Khoản 1 Điều 357 Bộ luật dân sự 2015;

- Điều 24 Luật thương mại 2005;

- Điều 30; điểm a, khoản 1, Điều 35, điểm a, khoản 1, Điều 39; Điều 147, Điều 227, khoản 1 Điều 228, Điều 244, 264, 267, 271, 273 Bộ luật tố tụng dân sự 2015;

- Điều 24, 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

#### **Xử:**

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Công ty TNHH N.

Buộc Công ty cổ phần xây dựng và phát triển N phải thanh toán trả cho Công ty TNHH N tổng số tiền là 420.815.540 đồng (bốn trăm hai mươi triệu, tám trăm mười lăm nghìn, năm trăm bốn mươi đồng). Trong đó: nợ gốc là 357.891.432 đồng (ba trăm năm mươi bảy triệu, tám trăm chín mươi một nghìn, bốn trăm ba mươi hai), nợ lãi chậm thanh toán tính đến ngày 30/04/2022 là 62.924.108 đồng (sáu mươi hai triệu, chín trăm hai mươi tư nghìn, một trăm linh tám đồng).

Ghi nhận sự tự nguyện của Công ty TNHH N không buộc Công ty cổ phần xây dựng và phát triển N phải thanh toán nợ lãi chậm thanh toán từ ngày 01/05/2022 đến ngày 12/05/2022.

Kể từ ngày kế tiếp sau ngày xét xử sơ thẩm, Công ty cổ phần xây dựng và phát triển N phải tiếp tục trả cho Công ty TNHH N khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất 6%/ 1năm.

2. Đình chỉ một phần yêu cầu khởi kiện của Công ty TNHH N về việc buộc Công ty cổ phần xây dựng và phát triển N phải thanh toán trả cho Công ty TNHH N số tiền 50.000.000 đồng (năm mươi triệu đồng) nợ gốc chưa thanh toán.

3. Bác yêu cầu phản tố của Công ty cổ phần xây dựng và phát triển N về việc được đối trừ số tiền 98.541.011 đồng (chín mươi tám triệu, năm trăm bốn mươi một nghìn, không trăm mười một đồng) đã thanh toán vào số tiền phải thanh toán trả cho Công ty TNHH N.

#### 4. Về án phí:

Công ty cổ phần xây dựng và phát triển N phải chịu 20.832.600 đồng án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn và 4.927.000 đồng án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm đối với yêu cầu phản tố không được chấp nhận. Tổng cộng, Công ty cổ phần xây dựng và phát triển N phải chịu 25.759.600 đồng án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm, được trừ 2.400.000 đồng tiền tạm ứng án phí đối với yêu cầu phản tố đã nộp theo Biên lai thu tiền số 00118131 ngày 17/01/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự quận Cầu Giấy, Công ty cổ phần xây dựng và phát triển N còn tiếp tục phải nộp 23.359.600 đồng án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm.

Công ty TNHH N được hoàn lại số tiền 10.699.000 đồng tạm ứng án phí đã nộp theo Biên lai số 0020620 ngày 01/12/2020 tại Chi cục Thi hành án dân sự quận Cầu Giấy, thành phố Hà Nội.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án.

Án xử công khai, có mặt nguyên đơn, bị đơn. Nguyên đơn, bị đơn có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án

#### **Nơi nhận:**

- TAND thành phố Hà Nội;
- VKSND thành phố Hà Nội;
- VKSND quận Cầu Giấy;
- Chi cục THADS quận Cầu Giấy;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ, VP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Tạ Thị Thu Hương**